

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1250/QĐ-UBND

Tân Thành, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THÀNH

Căn Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Căn cứ Thông tư 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quy định về trình tự, thủ tục tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND huyện

Phú Bình về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030;

Căn cứ văn bản 196/TB-ĐU ngày 16/4/2026 của Ban thường vụ Đảng ủy xã về chủ trương điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên);

Căn cứ Báo cáo số 13/BC-PKT ngày 30/3/2026 của phòng Kinh tế xã Tân Thành về việc rà soát quy hoạch và đề xuất xem xét thống nhất chủ trương lập Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên);

Căn cứ Công văn số 5137/SXD-QHKT, ngày 17/6/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến điều chỉnh cục bộ các Quy hoạch chung xây dựng xã: Tân Thành, Tân Kim, Tân Hoà đến năm 2030, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp);

Căn cứ Công văn số 6819/SNNMT-KHTC, ngày 15/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về tham gia ý kiến góp ý Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên).

Theo đề nghị của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 216/TTr-XDNN&MT ngày 17/7/2026 và Tờ trình của Ban Quản lý dự án xã Tân Thành tại Tờ trình số 13/TTr-BQLDA ngày 13/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên) với những nội dung chính sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và

Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên).

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch

2.1. Các nội dung điều chỉnh cục bộ

Nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên) bao gồm các nội dung chính sau:

2.1.1. Nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (đã được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/07/2022):

a) Vị trí điều chỉnh số 1 (Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã Tân Thành)

- *Quy hoạch được duyệt:* Là quy hoạch khu dân cư và đất nông nghiệp.
- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch:* Điều chỉnh toàn bộ diện tích quy hoạch khu dân cư và đất nông nghiệp sang quy hoạch khu dân cư trung tâm xã, tổng diện tích quy hoạch khu dân cư trung tâm xã sau khi điều chỉnh là 26,86 ha.

b) Vị trí điều chỉnh số 2 (Quy hoạch khu di tích Đình - Đền - Chùa Cầu Muối)

- *Quy hoạch được duyệt:* Là quy hoạch khu di tích với diện tích 36,94 ha, còn lại là đất khu dân cư, đất nông nghiệp với diện tích 16,97 ha.
- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch:* Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất khu dân cư và đất nông nghiệp (16,97 ha) sang quy hoạch đất di tích lịch sử, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 53,91 ha.

c) Vị trí điều chỉnh số 3 (quy hoạch đất thương mại dịch vụ)

- *Quy hoạch được duyệt:* Là quy hoạch đất công cộng với diện tích 3,1 ha, còn lại là đất đất nông nghiệp với diện tích 0,69 ha.
- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch:* Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất quy hoạch đất công cộng (3,1 ha) và đất nông nghiệp (0,69 ha) sang quy hoạch đất thương mại dịch vụ, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 3,79 ha.

d) Vị trí điều chỉnh số 4 (Quy hoạch đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp)

- *Quy hoạch được duyệt:* Là hiện trạng đất nông nghiệp (đất trồng rừng sản xuất, toàn bộ là đất trồng cây keo) với diện tích 2,7 ha.
- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch:* Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất nông nghiệp (2,7 ha) sang quy hoạch đất tiểu thủ công nghiệp, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 2,7 ha.

e) Vị trí điều chỉnh số 5 (Quy hoạch đất khu dân cư Tân Thành 3)

- *Quy hoạch được duyệt:* Là đất nông nghiệp và một phần dân cư hiện trạng với tổng diện tích 14,0 ha.

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Thành cũ là: 12,61 ha;

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Hòa cũ là: 1,39 ha.

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất nông nghiệp và đất khu dân hiện trạng (tổng diện tích 14,0 ha) sang quy hoạch khu dân cư, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 14,0 ha, bao gồm:

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Thành cũ là: 12,61 ha;

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Hòa cũ là: 1,39 ha.

g) Vị trí điều chỉnh số 6 (Quy hoạch khu đất nghĩa trang)

- *Quy hoạch được duyệt*: Là hiện trạng đất nông nghiệp và một phần dân cư hiện trạng.

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất nông nghiệp và dân cư hiện trạng sang quy hoạch khu đất nghĩa trang sau khi điều chỉnh là 124,37 ha.

Ghi chú: Quy mô, diện tích chính xác của từng dự án được xác định tại bước lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng dự án.

2.1.2. Nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (đã được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 06/09/2022):

a) Vị trí điều chỉnh số 1 (Quy hoạch đất khu nhà ở xã hội Mỏn Thượng ở, tại xóm Mỏn Thượng xã Tân Kim cũ)

- *Quy hoạch được duyệt*: Là quy hoạch đất khu dân cư với diện tích 2,3 ha, còn lại là đất nông nghiệp và đất giao thông, đất hạ tầng kỹ thuật khác với diện tích 3,2 ha.

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất quy hoạch đất khu dân cư, đất nông nghiệp và đất giao thông, đất hạ tầng kỹ thuật khác sang quy hoạch đất khu nhà ở xã hội, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 5,5 ha.

b) Vị trí điều chỉnh số 2 (Quy hoạch Khu tái định cư Mỏn Thượng)

- *Quy hoạch được duyệt*: Là đất nông nghiệp và một phần đất hiện trạng khu dân cư với tổng diện tích 27,97 ha.

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất nông nghiệp và đất hiện trạng khu dân cư sang quy hoạch đất khu tái định cư Mỏn Thượng, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 27,97 ha.

c) Vị trí điều chỉnh số 3 (Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp).

- *Quy hoạch được duyệt*: Là đất nông nghiệp với diện tích 4,31 ha.

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất đất nông nghiệp (4,31 ha) sang quy hoạch đất sản xuất kinh doanh (xây dựng trạm trộn bê tông), tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 4,31 ha.

d) Vị trí điều chỉnh số 4 (quy hoạch đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp)

- *Quy hoạch được duyệt*: Là đất quy hoạch nghĩa trang và hiện trạng đất nông nghiệp, đất khu dân cư (tổng diện tích 20,48 ha).

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích quy hoạch đất nghĩa trang và đất nông nghiệp, đất hiện trạng khu dân cư sang quy hoạch đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 20,48 ha.

Ghi chú: Quy mô, diện tích chính xác của từng dự án được xác định tại bước lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng dự án

2.1.3. Nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (đã được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 06/09/2022):

a) Vị trí điều chỉnh số 1 (Quy hoạch đất Khu tái định cư Tân Hòa 3)

- *Quy hoạch được duyệt*: Là quy hoạch đất khu dân cư, đất dự trữ phát triển, đất nông nghiệp, đất sông suối, giao thông nội đồng, đất khác (tổng diện tích khoảng 78,77 ha).

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích quy hoạch Là quy hoạch đất khu dân cư, đất dự trữ phát triển, đất nông nghiệp, đất sông suối, giao thông nội đồng, đất khác sang Quy hoạch đất Khu tái định cư Tân Hòa 3, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 78,77 ha.

b) Vị trí điều chỉnh số 02 (Quy hoạch đất khu dân cư Tân Hòa)

- *Quy hoạch được duyệt*: Là quy hoạch đất khu giết mổ tập trung với diện tích 3,0 ha, đất khu dân cư hiện trạng diện tích khoảng 3,26 ha, đất mặt nước khoảng 1,08 ha, đất nông nghiệp khoảng 15,13, đất khác (đất giao thông, thủy lợi,...) khoảng 0,43 ha.

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích quy hoạch đất khu giết mổ tập trung với diện tích 3,0 ha, đất khu dân cư hiện trạng diện tích khoảng 3,26 ha, đất mặt nước khoảng 1,08 ha, đất nông nghiệp khoảng 15,13, đất khác (đất giao thông, thủy lợi,...) khoảng 0,43 ha sang Quy hoạch đất khu dân cư Tân Hòa, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 22,90 ha.

c) Vị trí điều chỉnh khu dân cư Tân Thành 3 (phần đất nằm trên địa bàn xã Tân Hòa cũ là 1,39ha).

- *Quy hoạch được duyệt*: Là đất nông nghiệp và một phần dân cư hiện trạng với tổng diện tích 14,0 ha.

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Thành cũ là: 12,61 ha.

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Hòa cũ là: 1,39 ha:

- *Nội dung điều chỉnh quy hoạch*: Điều chỉnh toàn bộ diện tích đất nông nghiệp và đất khu dân cư hiện trạng (tổng diện tích 14,0 ha) sang quy hoạch khu dân cư, tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 14,0 ha, bao gồm:

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Thành cũ là: 12,61 ha;

+ Diện tích trên địa bàn xã Tân Hòa cũ là: 1,39 ha.

Ghi chú: Quy mô, diện tích chính xác của từng dự án được xác định tại bước lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng dự án

2.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ

Sau khu điều chỉnh cục bộ, quy hoạch vẫn đảm bảo phù hợp chỉ tiêu của các Quy hoạch đã phê duyệt. Đảm bảo nguyên tắc không làm quá tải hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực đã được lập và phê duyệt quy hoạch.

2.2.1. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (đã được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/07/2022):

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ các vị trí quy hoạch vẫn đảm bảo các chỉ tiêu - kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt như sau:

+ Các chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật tuân thủ theo quy định tại Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành và Quy hoạch xây dựng được duyệt, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Quy hoạch xây dựng", mã số QCVN 01:2021/BXD.

+ Đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn:

- Đất xây dựng công trình nhà ở: > 25m²/người;
- Diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ, công cộng: > 5m²/người;
- Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: > 5m²/người;
- Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng: > 2m²/người.

Bảng so sánh chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trước và sau điều chỉnh cục bộ

TT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt (Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND huyện Phú Bình)			Điều chỉnh cục bộ quy hoạch			
		Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng, giảm so với quy hoạch được duyệt	Chỉ tiêu đạt được sau khi điều chỉnh (m ² /người)
	Diện tích tự nhiên toàn Xã	2.709,09	100,00		2.709,09	100,00		
	Dân số toàn Xã	11.500			11.500			
I	Đất xây dựng	942,02	34,77		1.121,60	41,40	179,58	
1	Đất dân dụng	219,38	8,10	190,77	247,50	9,14	28,12	215,22
1.1	Đất đơn vị ở	66,23	2,44	57,59	84,32	3,11	18,09	73,32
1.1.1	Đất đơn vị ở phát triển mới	20,56			42,56		22,00	

TT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt (Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND huyện Phú Bình)			Điều chỉnh cục bộ quy hoạch			
		Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng, giảm so với quy hoạch được duyet	Chỉ tiêu đạt được sau khi điều chỉnh (m ² /người)
1.1.2	Đất ở hiện trạng chính trang	45,67			41,76		-3,91	
1.2	Đất công cộng	11,42	0,42	9,93	15,87	0,59	4,45	13,80
1.2.1	Đất công cộng xã hội	5,14			6,59		1,45	
1.2.2	Đất giáo dục	2,52			5,52		3,00	
1.2.3	Đất y tế	0,30			0,30			
1.2.4	Đất cây xanh, TDTT	3,46			3,46			
1.3	Đất cơ quan, trụ sở, công trình sự nghiệp	6,75	0,25		11,55	0,43	4,80	
1.4	Đất giao thông	134,98	4,98		135,76	5,01	0,78	
2	Đất ngoài dân dụng	722,64	26,67		874,10	32,27	151,46	
2.1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	72,30	2,67		82,42	3,04	10,12	
2.1.1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (CN- TTCN...) và đất khai thác VLXD, khoáng sản	72,30			82,42		10,12	
a	Đất công nghiệp - TTCN - CNC	7,73			7,73		0,00	
b	Đất thương mại dịch vụ, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,13			13,25		10,12	
c	Đất khai thác VLXD, khoáng sản	61,44			61,44			
2.1.2	Đất hỗn hợp thương mại, dịch vụ và phi nông nghiệp khác							
2.2	Đất du lịch	457,05	16,87		457,05	16,87		
2,2,1	Đất khu nhà ở sinh thái, học viện Golf kết hợp vui chơi giải trí hồ Kim Đỉnh	428,80			428,80			
a	Đất khu nhà ở sinh thái	247,74			247,74			

TT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt (Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND huyện Phú Bình)			Điều chỉnh cục bộ quy hoạch			
		Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng, giảm so với quy hoạch được duyet	Chỉ tiêu đạt được sau khi điều chỉnh (m ² /người)
b	Đất học viện Golf kết hợp vui chơi giải trí hồ Kim Đĩnh	181,06			181,06			
2.2.2	Đất du lịch khác	28,25			28,25			
2.3	Đất thủy lợi	5,30	0,20		5,30	0,20		
2.4	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, vui chơi giải trí công cộng	38,44	1,42		55,41	2,05	16,97	
2.5	Đất công trình đầu mối HTKT (Khu liên hợp xử lý môi trường Phú Bình)	30,00	1,11		30,00	1,11		
2.6	Đất an ninh, quốc phòng	64,83	2,39		64,83	2,39		
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	54,72	2,02		179,09	6,61	124,37	
II	Đất khác	1.767,07	65,23		1.587,49	58,60	-179,58	
1	Đất nông nghiệp	1.644,60	60,71		1.465,98	54,11	-178,62	
2	Đất nuôi trồng thủy sản	14,84	0,55		14,84	0,55	0,00	
3	Sông suối và mặt nước chuyên dùng	17,16	0,63		16,20	0,60	-0,96	
4	Đất chưa sử dụng						0,00	
5	Đất dự trữ phát triển	90,47	3,34		90,47	3,34	0,00	

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ (*chỉ tiêu đất ở đạt 73,32 m²/người; đất công cộng đạt 13,8 m²/người*) đảm bảo theo quy hoạch xây dựng xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/07/2022).

2.2.2. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 06/09/2022):

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ các vị trí quy hoạch vẫn đảm bảo các chỉ tiêu - kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt như sau:

+ Các chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật tuân thủ theo quy định tại Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành và Quy hoạch xây dựng được duyệt, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Quy hoạch xây dựng", mã số QCVN 01:2021/BXD.

+ Đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn:

- Đất xây dựng công trình nhà ở: > 25m²/người;
- Diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ, công cộng: > 5m²/người;
- Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: > 5m²/người;
- Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng: > 2m²/người.

Bảng so sánh chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trước và sau điều chỉnh cục bộ

TT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt			Điều chỉnh cục bộ quy hoạch		
		Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
	Diện tích tự nhiên toàn Xã	2.138,83	100		2.138,83	100	
	Dân số toàn Xã	12.000			12.000		
I	Đất xây dựng	542,6	18,76	452,17	596,93	27,89	497,17
1	Đất dân dụng	304,85	14,25	254,04	334,05	15,62	278,38
1.1	Đất ở	142,25	6,65	118,54	154,45	7,22	128,71
1.1.1	Đất ở phát triển mới	77,12			89,32		
1.1.2	Đất ở hiện trạng chỉnh trang	65,13			65,13		
1.2	Đất công cộng	16,3	0,76	13,58	23,3	1,09	19,42
1.2.1	Đất công cộng xã hội	5,21			7,21		
1.2.2	Đất giáo dục	4,97			4,97		
1.2.3	Đất y tế	2,91			2,91		
1.2.4	Đất cây xanh, TDTT	3,21			8,21		
1.3	Đất cơ quan, trụ sở, công trình sự nghiệp	8,75	0,41		8,75	0,41	
1.4	Đất giao thông	137,55	6,43		147,55	6,9	
2	Đất ngoài dân dụng	237,75	4,51		262,88	12,28	
2.1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	43,78	2,05		68,91	3,21	
2.1.1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (CN-TTCN...) và đất khai thác VLXD, khoáng sản	43,78			68,91		
<i>a</i>	<i>Đất công nghiệp - TTCN - CNC</i>	25,89			51,02		
<i>b</i>	<i>Đất thương mại dịch vụ, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	17,89			17,89		
<i>c</i>	<i>Đất khai thác VLXD, khoáng sản</i>	0			0		

TT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt			Điều chỉnh cục bộ quy hoạch		
		Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
2.1.2	Đất hỗn hợp thương mại, dịch vụ và phi nông nghiệp khác	0			0		
2.2	Đất thủy lợi	5,46	0,26		5,46	0,26	
2.3	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, vui chơi giải trí công cộng	31,69	1,48		31,69	1,48	
2.4	Đất khu nhà ở sinh thái, học viện Golf kết hợp vui chơi giải trí hồ Kim Đinh	141,34	6,61		141,34	6,61	
2.4.1	<i>Đất khu học viện Golf kết hợp vui chơi giải trí hồ Kim Đinh</i>	42,91	2,01		42,91	2,01	
2.4.2	<i>Đất khu nhà ở sinh thái</i>	98,43	4,6		98,43	4,6	
2.5	Đất công trình đầu mối HTKT	1,92	0,09		1,92	0,09	
2.6	Đất an ninh, quốc phòng	0,75	0,04		0,75	0,04	
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	12,81	0,6		12,81	0,6	
II	Đất khác	1.596,23	74,63		1.541,90	72,11	
1	Đất nông nghiệp	1.556,62	72,78		1.502,29	70,25	
2	Đất nuôi trồng thủy sản	12,05	0,56		12,05	0,56	
3	Sông suối và mặt nước chuyên dùng	12,73	0,6		12,73	0,6	
4	Đất chưa sử dụng	0	0		0	0	
5	Đất dự trữ phát triển	14,83	0,69		14,83	0,69	

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ (*chỉ tiêu đất ở đạt 128,71m²/người; đất công cộng đạt 19,42m²/người*) đảm bảo theo quy hoạch xây dựng xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (*được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 06/09/2022*).

2.2.3. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (*được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 06/09/2022*):

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ các vị trí quy hoạch vẫn đảm bảo các chỉ tiêu - kinh tế kỹ thuật đã đã được phê duyệt như sau:

+ Các chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật tuân thủ theo quy định tại Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành và Quy hoạch xây dựng được duyệt, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Quy hoạch xây dựng", mã số QCVN 01:2021/BXD.

+ Đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn:

- Đất xây dựng công trình nhà ở: $> 25\text{m}^2/\text{người};$
- Diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ, công cộng: $> 5\text{m}^2/\text{người};$
- Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $> 5\text{m}^2/\text{người};$
- Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng: $> 2\text{m}^2/\text{người}.$

Bảng so sánh chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật trước và sau điều chỉnh cục bộ

TT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt (theo Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 06/09/2022)			Điều chỉnh cục bộ quy hoạch		
		Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
	Diện tích tự nhiên toàn Xã	2.054,75	100		2.054,75	100	
	Dân số toàn Xã	14.500			14.500		
I	Đất xây dựng	1.107,95	53,92		1.191,63	57,99	
1	Đất dân dụng	534,9	26,03	368,9	616,58	30,01	425,23
1.1	Đất ở	400,15	19,47	275,97	450,06	21,90	310,39
1.1.1	Đất ở phát triển mới	323,68			373,59		
1.1.2	Đất ở hiện trạng chỉnh trang	76,47			76,47		
1.2	Đất công cộng	13,93	0,68	9,61	22,73	1,11	15,68
1.2.1	Đất công cộng xã hội	3,55			7,05		
1.2.2	Đất giáo dục	2,74			5,74		
1.2.3	Đất y tế	0,67			0,67		
1.2.4	Đất cây xanh, TDTT	6,97			9,27		
1.3	Đất cơ quan, trụ sở, công trình sự nghiệp	8,5	0,41		8,5	0,41	
1.4	Đất giao thông	112,32	5,47		135,29	6,58	
2	Đất ngoài dân dụng	573,05	27,89		575,05	27,99	
2.1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	494,84	24,08		496,84	24,18	
2.1.1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (CN-TTCN...) và đất khai thác VLXD, khoáng sản	489,57			491,57		
a	Đất công nghiệp - TTCN - CNC	488,77			488,77		
b	Đất thương mại dịch vụ, cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,8			2,8		
c	Đất khai thác VLXD, khoáng sản	0			0		
2.1.2	Đất hỗn hợp thương mại, dịch vụ và phi nông nghiệp khác	5,27			5,27		
2.2	Đất cây xanh trong khu công nghiệp	56,61	2,76		56,61	2,76	
2.3	Đất thủy lợi	3,53	0,17		3,53	0,17	

TT	Hạng mục	Quy hoạch được duyệt (theo Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 06/09/2022)			Điều chỉnh cục bộ quy hoạch		
		Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích 2030 (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
2.4	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, vui chơi giải trí công cộng	3,64	0,18		3,64	0,18	
2.5	Đất công trình đầu mối HTKT	9,57	0,47		9,57	0,47	
2.6	Đất an ninh, quốc phòng	0,25	0,01		0,25	0,01	
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,61	0,22		4,61	0,22	
II	Đất khác	946,8	46,08		863,12	42,01	
1	Đất nông nghiệp	761,07	37,04		716,71	34,88	
2	Đất nuôi trồng thủy sản	20,58	1		20,58	1,00	
3	Sông suối và mặt nước chuyên dùng	8,23	0,4		8,23	0,40	
4	Đất chưa sử dụng	0			0		
5	Đất dự trữ phát triển	156,92	7,64		117,6	5,72	

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được sau khi điều chỉnh cục bộ (*chỉ tiêu đất ở đạt 310,39 m²/người; đất công cộng đạt 15,68 m²/người*) đảm bảo theo quy hoạch xây dựng xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 (được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 06/09/2022).

2.3. Các nội dung khác không điều chỉnh:

2.3.1. Quy hoạch xây dựng xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030:

Thực hiện theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 21/07/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

2.3.2. Quy hoạch xây dựng xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030:

Thực hiện theo Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 06/09/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

2.3.3. Quy hoạch xây dựng xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030:

Thực hiện theo Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 06/09/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

3. Tính liên tục, đồng bộ của toàn bộ quy hoạch đô thị và nông thôn, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc lập điều chỉnh cục bộ.

3.1. Tính liên tục, đồng bộ của toàn bộ quy hoạch đô thị và nông thôn

Việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên) được thực hiện trên cơ sở giữ nguyên định hướng phát triển không gian, hạ tầng và cơ cấu sử dụng đất chính của đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, chỉ điều chỉnh cục bộ tại một số vị trí cụ thể để phù hợp hơn với yêu cầu thực tế phát triển.

- Về không gian phát triển: Khu vực điều chỉnh bảo đảm kết nối chặt chẽ với không gian hiện có. Sự thay đổi công năng không phá vỡ cấu trúc tổng thể của không gian đô thị của chung, mà còn giúp hoàn thiện mạng lưới chức năng theo hướng tập trung, hợp lý.

- Về hạ tầng xã hội: Việc bố trí lại các công trình dự án, các khu tái định cư đảm bảo đồng bộ với tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và không tạo áp lực vượt khả năng phục vụ của hệ thống hạ tầng xã hội.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Quy hoạch điều chỉnh kế thừa toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện trạng và quy hoạch được duyệt. Các tuyến đường, cấp thoát nước, điện, chiếu sáng, viễn thông đều được bảo đảm tính liên tục, không bị gián đoạn hay chùng chéo.

- Về quản lý và định hướng phát triển: Nội dung điều chỉnh được thực hiện trong khuôn khổ quy hoạch cấp trên (*Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND phê duyệt tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 09/02/2026*), bảo đảm tính liên kết giữa quy hoạch đô thị và nông thôn, góp phần hình thành không gian phát triển thống nhất, bền vững.

Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên) vẫn bảo đảm tính liên tục, đồng bộ và thống nhất trong cấu trúc không gian, hạ tầng kỹ thuật - xã hội và định hướng phát triển của phường, đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt, nâng cao chất lượng không gian sống, sử dụng đất hợp lý, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

3.2. Hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch

a) Hiệu quả kinh tế.

- Tạo quỹ đất (đấu giá/khai thác quỹ đất) để bù chi phí GPMB, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng - xã hội cho địa phương.

- Góp phần thúc đẩy phát triển quỹ đất nhà ở (với diện tích khoảng 24 ha tăng thêm), đây là quỹ đất tăng thêm quan trọng để phục vụ công tác tái định cư, ổn định đời sống cho người dân bị thu hồi đất.

- Tạo quỹ đất thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh nhằm thu hút đầu tư phát triển du lịch thương mại (với diện tích tăng thêm 3,79 ha). Đây là quỹ đất nhằm thu hút đầu tư xây dựng các dự án về thương mại, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, góp phần tạo việc làm cho người dân và thu ngân sách trên địa bàn xã.

- Tạo tiền đề thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã đã đề ra.

b) Hiệu quả xã hội.

- Bố trí quỹ đất nhà ở với bán kính phục vụ, tăng khả năng tiếp cận đất ở cho người dân có nhu cầu.

- Xây dựng các khu dân cư, khu tái định cư văn minh hiện đại, có đầy đủ các công trình công cộng, văn hóa - xã hội phục vụ người dân trên địa bàn xã và các xã lân cận.

- Điều chỉnh Quy hoạch được xây dựng trên cơ sở phù hợp với các điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán của vùng; huy động tối đa sức lực, trí lực của hệ thống chính quyền và nhân dân trong khu vực nghiên cứu nói riêng và trong phường nói chung.

c) Hiệu quả quản lý và quy hoạch.

- Tăng tính khả thi, cập nhật và thực tế của quy hoạch đã phê duyệt, giúp cơ quan nhà nước dễ quản lý và định hướng phát triển đất đai.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối, huy động các nguồn lực bên trong, bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, nhanh và bền vững trên các lĩnh vực, các địa bàn có liên quan đến khu vực nghiên cứu.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai dự án đầu tư, cấp phép xây dựng và quản lý quy hoạch một cách minh bạch, thống nhất.

4. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh cục bộ đến việc triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

4.1. Tác động tích cực

- Không làm thay đổi định hướng phát triển chung của các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Tác động tích cực đến phát triển không gian và hạ tầng xã hội nông thôn. Việc bố trí lại các công trình dự án, các khu dân cư mới giúp hoàn thiện hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Tạo điểm nhấn cửa ngõ, giữ hành lang mở dọc các tuyến chính.

- Tăng tính khả thi và linh hoạt của quy hoạch, giúp quy hoạch sát với tình hình thực tế, thuận lợi cho công tác quản lý và thu hút đầu tư. Đảm bảo việc triển khai các định hướng quy hoạch phân khu xây dựng được thuận lợi; nhanh chóng.

4.2. Tác động hạn chế và yêu cầu quản lý

- Ảnh hưởng tới môi trường khi xây dựng các công trình (khói bụi, tiếng ồn,... trong quá trình thi công).

- Yêu cầu cập nhật đồng bộ các bản đồ quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm thống nhất trong triển khai.

4.3. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh cục bộ đến việc triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt

Việc điều chỉnh lại diện tích sử dụng đất nông nghiệp không gây ảnh hưởng đến quy mô chức năng của đồ án quy hoạch đã phê duyệt. Vì vậy, sau khi cập nhật các nội dung điều chỉnh vào đồ án quy hoạch được phê duyệt cần phải cập nhật quy định quản lý, cụ thể hóa các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các lô đất sau khi điều chỉnh để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các lô đất xung quanh, đảm bảo tính liên tục và mỹ quan của xã.

4.4. Lộ trình, tiến độ thực hiện theo điều chỉnh quy hoạch cục bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định

Lộ trình, tiến độ thực hiện như sau:

- Dự kiến phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch trong tháng 06/2026.

- Sau khi đồ án được phê duyệt, Cơ quan tổ chức lập quy hoạch phối hợp với các đơn vị tổ chức liên quan tiến hành công bố quy hoạch rộng rãi trong nhân dân theo đúng các trình tự. Thời gian công bố chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tiến hành cập nhật các nội dung điều chỉnh cục bộ vào đồ án quy hoạch đã được phê duyệt và ban hành Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch sau khi điều chỉnh.

- Lập điều chỉnh và triển khai dự án đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật.

5. Đề xuất các giải pháp khắc phục các vấn đề nảy sinh do điều chỉnh cục bộ

- Thực hiện công khai, minh bạch quy hoạch điều chỉnh, đảm bảo người dân nắm rõ thông tin và phối hợp trong quá trình triển khai.

- Tăng cường quản lý trật tự xây dựng và kiến trúc công trình tại khu đất chuyển đổi để đảm bảo cảnh quan đồng bộ, văn minh.

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống giao thông khu vực lân cận, đảm bảo kết nối hợp lý với trục giao thông chính của xã.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống cấp nước, thoát nước, điện, viễn thông khu vực lập điều chỉnh quy hoạch cục bộ.

- Rà soát, cập nhật điều chỉnh vào hồ sơ quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm để bảo đảm thống nhất trong quản lý.

- Thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án cụ thể trong khu vực chuyển đổi.

- Khuyến khích sử dụng vật liệu, công nghệ xây dựng thân thiện môi trường, giảm phát thải trong quá trình xây dựng và vận hành.

- Phân kỳ đầu tư hạ tầng và công trình hợp lý, ưu tiên các hạng mục hạ tầng kỹ thuật - xã hội thiết.

- Tăng cường phối hợp giữa UBND xã, Phòng Kinh tế và các cơ quan chuyên môn của xã trong việc kiểm soát quá trình triển khai thực hiện điều chỉnh.

- Theo dõi, đánh giá định kỳ tác động của điều chỉnh quy hoạch để kịp thời cập nhật, hiệu chỉnh phù hợp với tình hình phát triển thực tế.

Điều 2. Giao phòng Ban quản lý dự án xã Tân Thành phối hợp với phòng Xây dựng Nông nghiệp và Môi trường, phòng Văn hóa - Xã Hội xã cùng các cơ quan liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thành đến năm 2030; quy hoạch chung xây dựng xã Tân Kim đến năm 2030 và quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hòa đến năm 2030 huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Tân Thành, tỉnh Thái Nguyên). Đồng thời lưu trữ hồ sơ, xây dựng và tham mưu UBND xã ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; giám sát xây dựng theo quy hoạch và các hình thức tổ chức thực hiện khác, đảm bảo việc triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Xây dựng Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, XDNN&MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Xuân Công